

Name:
Date: .../.../ 20...
Class: S4
Tel: 034 200 9294



Vocab & Gram:
Mini Test:

SHOULD WE HAVE PETS

❖ **Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1** dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	loyal (adj)	trung thành	4	give (you) cuddles	ôm, âu yếm (bạn)
2	bring (joy / happiness) (v)	mang lại (niềm vui / hạnh phúc)	5	protect (v)	bảo vệ
3	reduce (stress) (v)	giảm (áp lực)	6		

❖ **Note:** adj = adjective: tính từ, v = verb: động từ

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1** dòng vào vở ghi.

B. PRESENTATION

- **Topic:** Reasons we should have pets.

C. HOMEWORK

I. Read and choose True or False.

Free Time **CRAZY** Time!

Some people say free running isn't really a sport. You can't usually enter competitions or win medals or prizes, and most free runners aren't interested in them. You can do free running in a town or city. It's a very dangerous activity because free runners run, jump and climb fast - over walls, roofs and buildings. They use their hands and feet and move like cats. They want to feel free!

Cave diving is a very dangerous underwater activity. Divers climb down into deep caves that have got water in them. They dive into the water and swim through the caves. The caves are very dark and the divers wear a strong light on their heads. Sometimes the light breaks, so they carry two

extra lights with them. They swim carefully, because they can't get out of the caves easily if they have an accident.

0. Free running is often considered a sport by many people.

1. Free running can be practiced in the city.

2. Free running involves running, jumping, and climbing over many obstacles (chướng ngại vật).

3. Cave divers explore shallow caves with no water inside.

4. Cave divers use a strong light attached to their heads to find ways.

5. Cave divers can easily exit caves if they have problems during their dive.

True False

	✓
--	---

--	--

--	--

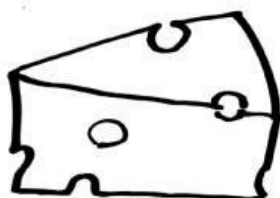
--	--

--	--

--	--

II. Write the correct words.

0.



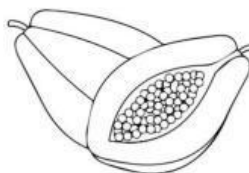
cheese

1.



m _____

2.



p _____

3.



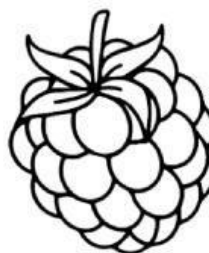
j _____

4.



o _____

5.



r _____

III. Write the correct answer using PRESENT PERFECT.

0. She has worked (work) here for five years.

1. I _____ (not eat) anything today.

2. She _____ (study) all day.
3. We _____ (not/exercise) enough.
4. _____ (You / read) War and Peace?
5. _____ (He / meet) your family yet?

IV. Match the sentence halves.

A	B
0. Pollution is something ...	A. that/which helps reduce waste by reusing materials.
1. A library is a place ...	B. that/which is dangerous for our health and the Earth.
2. A firefighter is someone ...	C. that/who puts out fires and saves people.
3. A smartphone is a device ...	D. that/who does not use animal products.
4. A vegan is a person ...	E. that/which we use to borrow books and study.
5. Recycling is a process ...	F. that/which we use to search information and contacts.

Your answer:

0 - <u>B</u>	1 - _____	2 - _____	3 - _____	4 - _____	5 - _____
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

V. Make sentences.

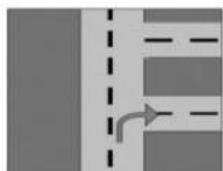
0. give (you) cuddles ⇒ Pets can give you cuddles when you are sad.

1. loyal ⇒ _____
2. bring joy ⇒ _____
3. protect ⇒ _____
4. crunchy ⇒ _____
5. discover ⇒ _____

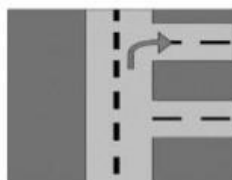
MINI TEST

I. Write the correct answer.

go downstairs	turn right at the first corner	go through	go along	turn right at the second corner	turn right
---------------	---	------------	----------	---------------------------------	------------



0. turn right at the first corner



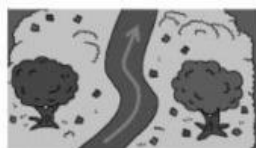
1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____

Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1** dòng.

II. Circle the correct answer.

0. I **has studied** / **have studied** French for 2 years.

1. I **wasn't** / **didn't** drink water yesterday.

2. Did Victor **find** / **found** the girl in that palace?

3. Anna was **played** / **playing** games when she **heard** / **hearing** someone voice.

4. While I was **taking** / **took** a shower, my friend was **cooked** / **cooking** lunch.

5. My grandma **has make** / **has made** many Vietnamese dish.

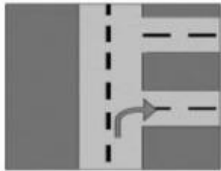
Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!



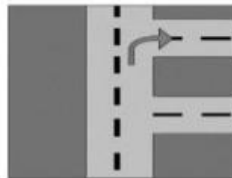
MINI TEST

I. Write the correct answer.

turn right at the first corner	go upstairs	go past	go downstairs	turn right at the second corner	go along
---	-------------	---------	---------------	---------------------------------	----------



0. turn right at the first corner



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1** dòng.

II. Circle the correct answer.

0. I **has studied** / **have studied** French for 2 years.

1. I **play** / **played** soccer every Saturday.

2. Did Tom **run** / **runs** in the race yesterday?

3. Jake was **riding** / **rode** his bike when he **saw** / **seen** a rainbow in the sky.

4. While I was **taking** / **took** a shower, my friend was **cooked** / **cooking** lunch.

5. The birds were **chirped** / **chirping** outside while Maria was **studied** / **studying** for her exam.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

